

Đồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO.

Mã chứng khoán: LMI

Trụ sở chính: KM 23, QL 51, Ấp 1, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Địa chỉ sau thay đổi hành chính: KM23, QL 51, Ấp 1, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai.)

Điện thoại: 02513 569 439 ; Fax: 02513 569 437

Email: lama@lamaidico.com.vn ; Website: www.lamaidico.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Ngô Ngọc Quỳnh Như

Điện thoại: 02513 569 439 ; Fax: 02513 569 437

ĐT Di động: 0934 188 909

Loại thông tin công bố: 24h; 72h; Yêu cầu; Bất thường; Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo Tài chính năm 2025

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty với đường dẫn: <http://www.lamaidico.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính năm 2025
- Văn bản giải trình số: 89/CT-TCKT, ngày 31/03/2026
- Văn bản giải trình số: 90/CT-TCKT, ngày 31/03/2026

Trân trọng!
NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Ngô Ngọc Quỳnh Như

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 89/CT-TCKT

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2026

V/v Giải trình biến động Lợi nhuận sau thuế
TNDN so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên Tổ chức phát hành: Công ty CP Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO

Tên giao dịch: LAMA IDICO

Trụ sở chính: KM23, QL51, Ấp 1, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 02513.569.439

Fax: 02513.569.437

Mã chứng khoán: LMI

LAMA IDICO xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu trên BCTC 2024	Số liệu trên BCTC 2025	Chênh lệch (đồng)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
1	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.946.227.757	2.634.988.412	(5.311.239.345)	(66.88)%

***Nguyên nhân chênh lệch giảm:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 giảm 175.890.185.308 đồng so với Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024 tương ứng tỷ lệ giảm 67,26%. Lợi nhuận gộp giảm 30.899.128.744 đồng, tương ứng giảm 72% so với năm 2024.

Trên đây là giải trình của LAMA IDICO về biến động lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 so với cùng kỳ năm trước.

Rất mong được sự quan tâm chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPTH, TCKT.



Giám Đốc
Nguyễn Cao Hà

Số: 90 /CBTT - CTĐồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2026**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: **LMI**
- Địa chỉ: KM23, Quốc lộ 51, Ấp 1, Long Thành, Đồng Nai.
- Điện thoại liên hệ: 0934 188 909
- Email: lama@lamaidico.com.vn ; Website: lamaidico.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2025
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày: 31/3/2026 tại đường dẫn: <http://www.lamaidico.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2025

- Văn bản giải trình số: 89/CT-TCKT,
ngày 31/03/2026.



Ngô Ngọc Quỳnh Như



CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence



Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Khuong Dinh Ward, Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122

info@cpvietnam.vn
www.cpvietnam.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600975839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 vào ngày 04 tháng 08 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600975839 thay đổi lần thứ 05 ngày 04/08/2020 là 55.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO MACHINERY ERECTION CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: LAMA IDICO.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường UpCOM với mã chứng khoán LMI.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Thủy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đăng Hưng	Thành viên
Bà Vũ Thị Hiền	Thành viên
Ông Mai Quốc Chinh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Ngọc Loan	Trưởng ban
Bà Phạm Minh Hải	Thành viên
Bà Hàn Thị Hằng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Cao Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Khánh Duy	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Hưng	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Cao Hà
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2026

*Số: 157/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM***BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO, được lập tại ngày 28/3/2026, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lưu Minh Tới**Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

Giấy ủy quyền số 06/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2026*

Lê Thanh Tùng Lâm**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2026-137-1

91/
Y
I
ÁN
NAI
01-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.614.218.645	141.304.107.077
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.935.718.067	17.997.752.089
1. Tiền	111		935.718.067	17.997.752.089
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		49.654.223.500	22.154.223.500
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	49.654.223.500	22.154.223.500
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.665.704.145	55.504.061.804
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	51.769.824.354	67.451.833.759
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	1.848.448.090	643.096.900
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	2.160.449.688	1.582.149.132
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.8	(14.113.017.987)	(14.173.017.987)
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	7.560.692.575	43.409.141.192
1. Hàng tồn kho	141		7.560.692.575	43.409.141.192
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.797.880.358	2.238.928.492
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.797.880.358	2.238.928.492
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		51.203.893.381	57.362.008.369
(200 = 210+220+230+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		33.807.396.881	37.959.238.077
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	32.671.446.113	37.735.852.521
- Nguyên giá	222		129.167.503.175	137.912.498.263
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(96.496.057.062)	(100.176.645.742)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	1.135.950.768	223.385.556
- Nguyên giá	228		1.954.562.747	656.250.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(818.611.979)	(432.864.444)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.11	-	1.797.950.760
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.797.950.760
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.4	11.270.000.000	11.270.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.800.000.000	9.800.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.470.000.000	1.470.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		6.126.496.500	6.334.819.532
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	6.126.496.500	6.334.819.532
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		158.818.112.026	198.666.115.446

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		71.238.391.010	108.265.146.842
I- Nợ ngắn hạn	310		71.238.391.010	108.265.146.842
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	7.386.387.045	11.496.755.444
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	3.163.333.333	3.550.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	273.562.734	1.758.799.526
4. Phải trả người lao động	314		816.327.100	2.489.023.343
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	-	31.743.659
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	4.063.357.147	5.022.371.029
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	43.963.523.369	72.293.339.589
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	6.793.419.342	7.518.199.312
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.778.480.940	4.104.914.940
II- Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		87.579.721.016	90.400.968.604
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	87.579.721.016	90.400.968.604
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.000.000.000	55.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.010.976.847	27.454.740.847
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.568.744.169	7.946.227.757
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		1.933.755.757	-
- LNST chưa phân phối kì này	421b		2.634.988.412	7.946.227.757
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		158.818.112.026	198.666.115.446

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Văn Ngọc



Vũ Thị Hiền



Nguyễn Cao Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	85.617.325.829	261.507.511.137
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		85.617.325.829	261.507.511.137
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	73.603.231.437	218.594.288.001
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		12.014.094.392	42.913.223.136
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.693.108.375	3.215.114.547
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.796.444.421	7.684.912.829
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.791.411.261	5.982.635.304
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	11.349.819.959	29.180.233.765
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.560.938.387	9.263.191.089
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.326.167.760	1.801.151.869
12. Chi phí khác	32	6.6	-	1.396.068.675
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	1.326.167.760	405.083.194
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.887.106.147	9.668.274.283
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	252.117.735	1.722.046.526
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.634.988.412	7.946.227.757
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	340	1.253

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Văn Ngọc

Vũ Thị Hiền

Nguyễn Cao Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.887.106.147	9.668.274.283
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		6.572.198.140	6.189.665.210
- Các khoản dự phòng	03		(784.779.970)	16.482.028.441
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(810.333.325)	(49.026.302)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.268.076.308)	(791.903.352)
- Chi phí lãi vay	06		2.791.411.261	5.982.635.304
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		8.387.525.945	37.481.673.584
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.926.592.313	(16.650.062.541)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		35.848.448.617	62.948.039.806
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.274.278.495)	(71.787.939.273)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		208.323.032	193.763.617
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.451.966.817)	(5.322.079.748)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.722.046.526)	(1.732.364.116)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(882.670.000)	(251.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		49.039.928.069	4.880.031.329
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(799.697.851)	(2.856.407.903)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		1.018.181.819	760.237.234
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(32.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		657.272.776	1.788.250.090
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.624.243.256)	(307.920.579)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		50.917.398.216	243.291.985.534
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(79.247.214.436)	(285.592.258.053)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.140.962.800)	(3.668.137.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.470.779.020)	(45.968.409.719)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(11.055.094.207)	(41.396.298.969)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.997.752.089	59.345.024.756
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(6.939.815)	49.026.302
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	6.935.718.067	17.997.752.089

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Văn Ngọc



Vũ Thị Hiền



Nguyễn Cao Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600975839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 vào ngày 04 tháng 8 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600975839 thay đổi lần thứ 05 ngày 04/08/2020 là 55.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO MACHINERY ERECTION CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: LAMA IDICO.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường UpCOM với mã chứng khoán LMI.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 55 người (tại ngày 01/01/2025 là 97 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO là về Xây lắp, gia công kết cấu thép.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Các hoạt động chính của Công ty gồm:

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí: Lắp đặt hệ thống cung cấp điện, nước cho các công trình;
- Sản xuất thùng; bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại: Gia công, lắp đặt các bể chứa có dung tích lớn vừa và nhỏ, các bình, bồn áp lực cho các dây chuyền công nghệ;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại: Sản xuất, lắp dựng kết cấu thép, khung nhà công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất nồi hơi (Trừ nồi hơi trung tâm): Gia công, lắp đặt lò hơi trung, cao áp;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng, lắp đặt đường dây, trạm biến áp và trạm phân phối điện đến 500KV, gia công lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình xử lý nước thải;
- Gia công lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: Gia công lắp đặt các thiết bị phi tiêu chuẩn. Lắp đặt thiết bị, máy móc và dây chuyền công nghệ. Gia công lắp đặt cầu trục, thiết bị nâng cho các nhà máy, sản công nghiệp, cảng biển và sông;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công lắp đặt thiết bị cho các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, xi măng, công nghệ giấy, dầu khí; Và
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán*****Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục được phân loại là tài sản, áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty có giao dịch tại ngày 31/12/2025.
- Đối với các khoản mục được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty có giao dịch tại ngày 31/12/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 15
Dụng cụ quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính và tài sản vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm và tài sản vô hình khác là 15 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về sản phẩm cơ khí được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng sản phẩm cơ khí phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 căn cứ vào các hợp đồng đã ký với người mua.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ hoặc khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xây lắp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là trong nước và nước ngoài. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	196.042.029	89.898.221
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	739.676.038	17.907.853.868
Các khoản tương đương tiền (i)	6.000.000.000	-
Tổng	6.935.718.067	17.997.752.089

(i) Tại ngày 31/12/2025, là tiền gửi có kỳ hạn từ không quá 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất từ 4,75%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	49.654.223.500	49.654.223.500	22.154.223.500	22.154.223.500
Tổng	49.654.223.500	49.654.223.500	22.154.223.500	22.154.223.500

(i) Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng gửi tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,6%/năm đến 6%/năm và đang được dùng thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này.

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
DANIELI CO., LTD	27.863.714.891	41.559.565.630
Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý dự án dầu khí PVE	10.660.243.403	10.660.243.403
Công ty Cổ phần LILAMA 45.3	4.880.870.985	4.880.870.985
Phải thu khách hàng khác	8.364.995.075	10.351.153.741
Tổng	51.769.824.354	67.451.833.759
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>1.373.408.204</i>	<i>1.475.165.404</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, xã Long Thành,
tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.4 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên kết			9.800.000.000	-	9.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO (i)	49,00%	49,00%	9.800.000.000	(i)	9.800.000.000	(i)
Đầu tư vào đơn vị khác			1.470.000.000	-	1.470.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Cơ khí và Năng lượng (Trước là Công ty TNHH Năng lượng LAMA IDICO) (i)	11,44%	11,44%	1.470.000.000	(i)	1.470.000.000	(i)
Tổng			11.270.000.000	-	11.270.000.000	-

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

5.5 Trả trước người bán ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Xây dựng và Lắp đặt Thiết bị Áp lực Ninh Bình	1.370.370.157	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Ban Mai	-	-	268.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận Đa Mi	-	-	334.067.400	-
Trả trước cho người bán khác	478.077.933	-	41.029.500	-
Tổng	1.848.448.090	-	643.096.900	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, xã Long Thành,
tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Các khoản phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	37.000.000	-	39.000.000	-
Phải thu về cổ tức được chia	588.000.000	-	588.000.000	-
Phải thu khác	1.535.449.688	-	955.149.132	-
Tạm ứng	494.500.000	-	390.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	769.913.380	-	-	-
Phải thu khác	271.036.308	-	565.149.132	-
Tổng	2.160.449.688	-	1.582.149.132	-

*Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)*

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.560.692.575	-	43.409.141.192	-
Tổng	7.560.692.575	-	43.409.141.192	-

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, xã Long Thành,
tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Nợ xấu

Đối tượng	Số năm quá hạn	31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)			
		Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Số năm quá hạn	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
A. Phải thu khách hàng		14.113.017.987	(14.113.017.987)	-	-	14.173.017.987	(14.173.017.987)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng số 2 Hà Bắc	> 3 năm	111.600.000	(111.600.000)	-	> 3 năm	121.600.000	(121.600.000)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Hồng Lâm	> 3 năm	643.408.036	(643.408.036)	-	> 3 năm	643.408.036	(643.408.036)	-
Công ty Cổ phần XD - TV - TM Huỳnh Nguyễn Phùng	> 3 năm	65.011.258	(65.011.258)	-	> 3 năm	65.011.258	(65.011.258)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	> 3 năm	1.373.408.204	(1.373.408.204)	-	> 3 năm	1.423.408.204	(1.423.408.204)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý dự án đầu khí PVE	> 3 năm	10.660.243.403	(10.660.243.403)	-	> 3 năm	10.660.243.403	(10.660.243.403)	-
Công ty Cổ phần Hàng hải và DV KT TJS	> 3 năm	659.033.053	(659.033.053)	-	> 3 năm	659.033.053	(659.033.053)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và dịch vụ kỹ thuật TJS	> 3 năm	600.314.033	(600.314.033)	-	> 3 năm	600.314.033	(600.314.033)	-
Tổng		14.113.017.987	(14.113.017.987)	-	-	14.173.017.987	(14.173.017.987)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hìnhĐơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2025	59.358.754.633	59.746.528.868	18.247.115.489	259.108.000	300.991.273	137.912.498.263
Tăng trong năm	-	1.031.891.420	-	267.444.444	-	1.299.335.864
Mua trong năm	-	-	-	267.444.444	-	267.444.444
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.031.891.420	-	-	-	1.031.891.420
Giảm trong năm	-	(9.306.330.952)	(690.000.000)	-	(48.000.000)	(10.044.330.952)
Thanh lý nhượng bán	-	(9.306.330.952)	(690.000.000)	-	(48.000.000)	(10.044.330.952)
Số dư tại 31/12/2025	59.358.754.633	51.472.089.336	17.557.115.489	526.552.444	348.991.273	129.167.503.175
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2025	30.859.305.803	52.697.393.895	16.211.689.362	107.265.409	300.991.273	100.176.645.742
Tăng trong năm	3.075.654.190	1.889.801.382	1.167.836.211	53.158.822	-	6.186.450.605
Khấu hao trong năm	3.075.654.190	1.889.801.382	1.167.836.211	53.158.822	-	6.186.450.605
Giảm trong năm	-	(9.306.330.952)	(512.708.333)	-	(48.000.000)	(9.867.039.285)
Thanh lý nhượng bán	-	(9.306.330.952)	(512.708.333)	-	(48.000.000)	(9.867.039.285)
Số dư tại 31/12/2025	33.934.959.993	45.280.864.325	16.866.817.240	160.424.231	348.991.273	96.496.057.062
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2025	28.499.448.830	7.049.134.973	2.035.426.127	151.842.591	-	37.735.852.521
Tại ngày 31/12/2025	25.423.794.640	6.191.225.011	690.298.249	366.128.213	-	32.671.446.113

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 với giá trị là 49.308.742.868 VND (tại ngày 01/01/2025 là 61.548.852.374 VND).

Giá trị TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2025 là 15.914.102.543 VND (tại ngày 01/01/2025 là 39.190.420.371 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	656.250.000	656.250.000
Tăng trong năm	1.298.312.747	1.298.312.747
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.298.312.747	1.298.312.747
Số dư tại ngày 31/12/2025	<u>1.954.562.747</u>	<u>1.954.562.747</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	432.864.444	432.864.444
Tăng trong năm	385.747.535	385.747.535
Khấu hao trong năm	385.747.535	385.747.535
Số dư tại ngày 31/12/2025	<u>818.611.979</u>	<u>818.611.979</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	<u>223.385.556</u>	<u>223.385.556</u>
Tại ngày 31/12/2025	<u>1.135.950.768</u>	<u>1.135.950.768</u>

Nguyên giá của tài sản cố định các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 với giá trị là 386.750.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 386.750.000 VND).

5.11 Tài sản dở dang dài hạn

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư máy Phay di động	-	1.031.891.420
Đầu tư lấy dầu ASME	-	766.059.340
Tổng	<u>-</u>	<u>1.797.950.760</u>

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	69.738.680	135.269.779
Tiền thuê đất Văn phòng làm việc	6.056.757.820	6.199.549.753
Tổng	<u>6.126.496.500</u>	<u>6.334.819.532</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẬP MÁ Y IDICO
Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, xã Long Thành,
tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama Idico	2.964.538.656	2.964.538.656	3.284.583.470	3.284.583.470
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sơn Hoàng Tiến	1.555.775.053	1.555.775.053	845.777.475	845.777.475
Các đối tượng khác	2.866.073.336	2.866.073.336	7.366.394.499	7.366.394.499
Tổng	7.386.387.045	7.386.387.045	11.496.755.444	11.496.755.444

*Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan
(Chỉ tiết tại thuyết minh số 7.1)*

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	1.183.333.333	3.550.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Trà Khúc 2	1.980.000.000	-
Tổng	3.163.333.333	3.550.000.000

3.013.693.903 3.013.693.903 3.373.591.936 3.373.591.936



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO
Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, xã Long Thành,
tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	1.758.799.526	3.837.776.959	5.323.013.751	273.562.734
Thuế GTGT	-	3.210.755.396	3.210.755.396	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.722.046.526	252.117.735	1.722.046.526	252.117.735
Thuế thu nhập cá nhân	36.753.000	371.903.828	387.211.829	21.444.999
Thuế, phí, lệ phí khác	-	3.000.000	3.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trích trước chi phí gia công hàng xuất khẩu cho Công ty TNHH Danieli	-	31.743.659
Tổng	-	31.743.659

5.17 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	6.793.419.342	7.518.199.312
<i>Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa: Gia công hàng cho DAN PO23082058</i>	<i>1.356.981.090</i>	<i>1.356.981.090</i>
<i>Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa: Gia công hàng xk cho DAN-PO23466082</i>	<i>5.436.438.252</i>	<i>6.161.218.222</i>
Tổng	6.793.419.342	7.518.199.312

5.18 Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Kinh phí công đoàn	1.323.939.121	1.455.339.121
Bảo hiểm xã hội	64.102.446	138.586.658
Bảo hiểm y tế	13.227.934	19.529.247
Bảo hiểm thất nghiệp	77.558.508	8.640.929
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	482.650.000	1.223.612.800
Công ty Cổ phần LILAMA 45.3 (vật tư công trình mượn tạm)	1.252.412.598	1.252.412.598
Lãi dự trả tiền vay	-	660.555.556
Các khoản phải trả, phải nộp khác	849.466.540	263.694.120
Tổng	4.063.357.147	5.022.371.029

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO
Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, xã Long Thành,
tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai (i)	3.369.049.065	3.369.049.065	20.950.675.397	45.975.297.510	28.393.671.178	28.393.671.178
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch (ii)	25.594.474.304	25.594.474.304	28.466.722.819	31.771.916.926	28.899.668.411	28.899.668.411
Vay các cá nhân (iii)	15.000.000.000	15.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Tổng	43.963.523.369	43.963.523.369	50.917.398.216	79.247.214.436	72.293.339.589	72.293.339.589

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(i) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai**

Số tiền được vay	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/2184159/HĐTD ngày 03/12/2025, với các điều khoản chi tiết sau:
Hạn mức tín dụng	120.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, trong đó: Hạn mức vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C là 70.000.000.000 VND; Hạn mức cấp bảo lãnh (trừ bảo lãnh thanh toán) là 50.000.000.000 VND;
Thời hạn vay	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức;
Lãi suất vay	Theo từng giấy nhận nợ;
Hình thức đảm bảo tiền vay	<ul style="list-style-type: none">- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do BIDV phát hành số FDR 6711001745226 ngày 17/7/2023;- Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 821758, số vào cấp sổ GCN: CT 53141, thửa số 88, tờ bản đồ số 22 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/5/2020. Địa chỉ: Xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai);- Tài sản gắn liền với đất tại thửa số 59, tờ bản đồ số 41 the Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 387004, số vào sổ cấp GCN: CT 71248 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/22/2022. Địa chỉ: xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai); Phương tiện giao thông vận tải đường bộ và xe máy chuyên dụng theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông vận tải đường bộ số 0020/NHNT-CRC/TC21 ngày 12/4/2021 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung của Hợp đồng thế chấp này ký giữa Ngân hàng và Công ty;- Xe ô tô Lexus RX350, biển số 60A-177.68; Xe ô tô khách hiệu Hyundai E-County 2-2, biển số 60B-023.99; Xe ô tô Hyundai biển số 60C-197.36;- Thế chấp hàng tồn kho, khoản phải thu hình thành từ nguồn vốn cấp tín dụng của Ngân hàng BIDV.
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025	3.369.049.065 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(ii) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch**

Số tiền được vay Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2025012-CRC/HĐCV-HM ngày 11/04/2025, với các điều khoản chi tiết sau:

Hạn mức tín dụng 60.000.000.000 VND;

Mục đích vay Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư TSCĐ;

Thời hạn vay Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 11/04/2026;

Lãi suất vay Điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng, phù hợp với chính sách lãi suất cho vay của VCB trong từng thời kỳ;

Hình thức đảm bảo tiền vay Một phần đảm bảo bằng Tài sản là tiền gửi VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch (giá trị tối thiểu bằng 50% dư nợ vay) và một phần cho vay tín chấp;

Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025 25.594.474.304 VND

(iii) Vay ngắn hạn của các cá nhân như sau:**(iii.1) Vay Ông Hồ Chí Linh**

Số hợp đồng Số 160124L/HĐVV-TCKT ngày 16/01/2024

Số tiền vay 2.500.000.000 VND;

Mục đích vay Phục vụ sản xuất kinh doanh

Thời hạn vay 01 năm (Sau 1 năm vẫn có nhu cầu vay mượn, Thi hợp đồng tiếp tục gia hạn thêm 1 năm)

Lãi suất vay 05%/năm

Hình thức đảm bảo tiền vay Tín chấp

Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025 2.500.000.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(iii) Vay ngắn hạn của các cá nhân như sau (Tiếp theo)**

(iii.2)	Vay Ông Mai Xuân Vương
Số hợp đồng	Số 160124V/HĐVV-TCKT ngày 16/01/2024
Số tiền vay	2.500.000.000 VND;
Mục đích vay	Phục vụ sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	01 năm (Sau 1 năm vẫn có nhu cầu vay mượn, Thì hợp đồng tiếp tục gia hạn thêm 1 năm)
Lãi suất vay	05%/năm
Hình thức đảm bảo tiền vay	Tín chấp
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025	2.500.000.000 VND
(iii.3)	Vay Ông Nguyễn Văn Đại
Số hợp đồng	Số 160124D/HĐVV-TCKT ngày 16/01/2024
Số tiền vay	3.000.000.000 VND;
Mục đích vay	Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	01 năm (Sau 1 năm vẫn có nhu cầu vay mượn, Thì hợp đồng tiếp tục gia hạn thêm 1 năm)
Lãi suất vay	05%/năm
Hình thức đảm bảo tiền vay	Tín chấp
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025	3.000.000.000 VND
(iii.4)	Vay Ông Nguyễn Đình Tuệ
Số hợp đồng	Số 190324T/HĐVV-TCKT ngày 19/03/2024
Số tiền vay	4.000.000.000 VND;
Mục đích vay	Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	01 năm (Sau 1 năm vẫn có nhu cầu vay mượn, Thì hợp đồng tiếp tục gia hạn thêm 1 năm)
Lãi suất vay	05%/năm
Hình thức đảm bảo tiền vay	Tín chấp
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025	4.000.000.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(iii) Vay ngắn hạn của các cá nhân như sau (Tiếp theo)**

(iii.5)	Vay Ông Phạm Huy Bình
Số hợp đồng	Số 210324B/HĐVV-TCKT ngày 21/03/2024
Số tiền vay	3.000.000.000 VND;
Mục đích vay	Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	01 năm (Sau 1 năm vẫn có nhu cầu vay mượn, Thì hợp đồng tiếp tục gia hạn thêm 1 năm)
Lãi suất vay	05%/năm
Hình thức đảm bảo tiền vay	Tín chấp
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025	3.000.000.000 VND

N: 0
CÔNG
TN
ÉM
A VII
HÀ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	55.000.000.000	27.454.740.847	3.482.548.490	85.937.289.337
Lãi trong năm trước	-	-	7.946.227.757	7.946.227.757
Chia cổ tức	-	-	(2.750.000.000)	(2.750.000.000)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	(732.548.490)	(732.548.490)
Số dư tại 31/12/2024	55.000.000.000	27.454.740.847	7.946.227.757	90.400.968.604
Số dư tại 01/01/2025	55.000.000.000	27.454.740.847	7.946.227.757	90.400.968.604
Lãi trong năm nay	-	-	2.634.988.412	2.634.988.412
Chia cổ tức năm 2024 (i)	-	-	(4.400.000.000)	(4.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng (i)	-	-	(556.236.000)	(556.236.000)
Trích quỹ Ban điều hành (i)	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	556.236.000	(556.236.000)	-
Số dư tại 31/12/2025	55.000.000.000	28.010.976.847	4.568.744.169	87.579.721.016

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết số 22/NQ-ĐHCD ngày 28/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền 8% Vốn điều lệ tương ứng số tiền 4.400.000.000 VND.
- Trích quỹ khen thưởng 7% Lợi nhuận sau thuế năm 2024 tương ứng 556.236.000 VND.
- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành 500.000.000 VND.
- Trích quỹ đầu tư phát triển 7% Lợi nhuận sau thuế năm 2024 tương ứng 556.236.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ông Nguyễn Cao Hà	12.534.000.000	12.534.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	4.030.600.000	4.030.600.000
Tổng Công ty IDICO - CTCP	11.068.910.000	11.068.910.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	2.856.650.000	2.856.650.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	2.644.240.000	2.644.240.000
Cổ đông khác	21.865.600.000	21.865.600.000
Tổng	55.000.000.000	55.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	55.000.000.000	55.000.000.000
Vốn góp tại đầu năm	55.000.000.000	55.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	55.000.000.000	55.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.400.000.000	2.750.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ Công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	28.010.976.847	27.454.740.847
Tổng	28.010.976.847	27.454.740.847

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a. Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (nay là Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai) để sử dụng với mục đích làm xưởng sản xuất từ năm 2008 đến năm 2058. Diện tích khu đất thuê là 33.090 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hợp đồng.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Nay xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai) là để sử dụng với mục đích làm nhà văn phòng từ năm 2018 đến năm 2068. Diện tích khu đất thuê là 892,4 m² Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất 1 lần cho toàn bộ thời gian thuê theo quy định hợp đồng.

b. Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba

Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công là các chi tiết, vật tư gia công kết cấu thép.

c. Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
Đồng đô la Mỹ (USD)	1.054,90	18.717,10
Tương ứng tiền VND	26.915.319	472.625.492
Đồng Euro (EUR)	128,75	149,47
Tương ứng tiền VND	2.776.578	3.903.164

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa, sắt thép phế liệu	-	1.800.237.375
Doanh thu hoạt động xây lắp	85.617.325.829	259.707.273.762
Tổng	85.617.325.829	261.507.511.137
<i>Trong đó: Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>155.776.859</i>	<i>216.139.252</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	537.648.629
Giá vốn của hoạt động xây lắp	73.603.231.437	218.056.639.372
Tổng	73.603.231.437	218.594.288.001

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	1.368.386.156	1.095.376.039
Cổ tức, lợi nhuận được chia	58.800.000	29.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.455.588.894	2.041.312.206
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	810.333.325	49.026.302
Tổng	3.693.108.375	3.215.114.547
<i>Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>58.800.000</i>	<i>29.400.000</i>

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	2.791.411.261	5.982.635.304
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.033.160	1.702.277.525
Tổng	2.796.444.421	7.684.912.829

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	186.427.714	287.976.581
Chi phí nhân công	7.976.968.535	9.173.468.158
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.364.000.957	1.084.294.065
Thuế phí và lệ phí	440.535.422	16.482.028.441
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng	(60.000.000)	423.186.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	647.859.816	636.515.657
Chi phí bằng tiền khác	794.027.515	1.092.764.008
Tổng	11.349.819.959	29.180.233.765

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản	840.890.152	760.237.234
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, máy móc thiết bị	162.496.859	154.080.000
Hoàn nhập chi phí trích trước hoạt động xây lắp	-	85.033.717
Thu nhập khác	322.780.749	801.800.918
Tổng	1.326.167.760	1.801.151.869
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt hành chính	-	79.726.934
Các khoản bị phạt vi phạm hợp đồng	-	903.169.310
Các khoản khác	-	413.172.431
Tổng	-	1.396.068.675
Lợi nhuận khác	1.326.167.760	405.083.194
<i>Trong đó: Thu nhập từ các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>162.496.859</i>	<i>152.400.000</i>

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.879.521.653	106.393.571.232
Chi phí nhân công	11.297.491.696	56.535.035.552
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.572.198.140	6.189.665.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.621.363.775	9.028.656.148
Chi phí khác bằng tiền	794.027.515	1.926.554.136
Tổng	49.164.602.779	180.073.482.278

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.887.106.147	9.668.274.283
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	156.000.000	244.726.934
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	-	79.726.934
<i>Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không tham gia trực tiếp điều hành</i>	156.000.000	165.000.000
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	1.782.517.474	1.302.768.586
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	58.800.000	29.400.000
<i>Chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP</i>	1.723.717.474	1.273.368.586
Thu nhập chịu thuế	1.260.588.673	8.610.232.631
Thu nhập tính thuế	1.260.588.673	8.610.232.631
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	252.117.735	1.722.046.526
Chi phí thuế TNDN hiện hành	252.117.735	1.722.046.526

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.634.988.412	7.946.227.757
Trích quỹ khen thưởng và quỹ Ban điều hành làm giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	(763.498.841)	(1.056.236.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.871.489.571	6.889.991.757
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	5.500.000	5.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	340	1.253

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO, số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành là 763.318.841 VND. Quyết định cuối cùng về việc phân phối lợi nhuận năm 2025 thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ có thể bị thay đổi sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1.	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Công ty con của Cổ đông lớn
2.	Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Cổ đông lớn
3.	Tổng Công ty IDICO - CTCP	Cổ đông lớn
4.	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	Công ty liên kết
5.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	Công ty con của Cổ đông lớn
6.	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

b) Thù lao của Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bà Nguyễn Thị Thủy	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	75.000.000
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT	36.000.000	45.000.000
Ông Nguyễn Văn Vinh	Nguyên Thành viên HĐQT	-	9.000.000
Ông Nguyễn Đăng Hưng	Thành viên HĐQT	36.000.000	24.000.000
Bà Vũ Thị Hiền	Thành viên HĐQT	36.000.000	45.000.000
Ông Mai Quốc Chính	Thành viên HĐQT	36.000.000	45.000.000
Tổng		204.000.000	243.000.000

c. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bà Trần Thị Ngọc Loan	Trưởng ban kiểm soát	36.000.000	45.000.000
Ông Phạm Minh Hải	Thành viên BKS	24.000.000	134.030.000
Bà Hàn Thị Hằng	Thành viên BKS	189.727.000	192.354.000
Tổng		249.727.000	371.384.000

d. Lương và các lợi ích khác của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Nguyễn Cao Hà	Giám đốc	419.114.000	435.911.000
Ông Nguyễn Đăng Hưng	Phó Giám đốc	371.340.000	389.622.000
Ông Nguyễn Khánh Duy	Phó Giám đốc	362.091.000	375.825.000
Bà Vũ Thị Hiền	Kế toán trưởng	261.197.000	267.889.000
Tổng		1.413.742.000	1.469.247.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (Tiếp theo)

e) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giao dịch mua		2.095.980.412	15.706.460.829
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	Mua hàng hóa	404.994.717	13.735.863.072
Công ty TNHH Năng lượng LAMA IDICO	Tiền sinh hoạt tại Tòa nhà Văn phòng	132.705.704	66.255.086
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Tiền điện	648.936.833	1.004.417.655
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Xử lý nước thải và tiền thuê lại đất	909.343.158	899.925.016
Giao dịch bán		155.776.859	216.139.252
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	155.776.859	216.139.252
Giao dịch khác		162.496.859	152.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	Thu nhập khác	155.776.859	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng LAMA IDICO	Thu nhập khác	6.720.000	8.400.000
Cổ tức được nhận		58.800.000	29.400.000
Công ty TNHH Năng lượng LAMA IDICO		58.800.000	29.400.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (Tiếp theo)

f) Số dư chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng	1.373.408.204	1.475.165.404
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	-	51.757.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	1.373.408.204	1.423.408.204
Phải thu khác	588.000.000	588.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	588.000.000	588.000.000
Phải trả người bán	3.013.693.903	3.373.591.936
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	2.964.538.656	3.284.583.470
Công ty TNHH Năng lượng LAMA IDICO	-	37.336.814
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	47.964.830	50.625.206
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	1.190.417	1.046.446

7.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo chia theo khu vực địa lý

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước (VND)	Nước ngoài (VND)	Tổng (VND)
Doanh thu	35.670.762.116	49.946.563.713	85.617.325.829
Giá vốn	29.906.675.976	43.696.555.461	73.603.231.437
Lợi nhuận gộp	5.764.086.140	6.250.008.252	12.014.094.392

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước (VND)	Nước ngoài (VND)	Tổng (VND)
Doanh thu	40.484.843.308	221.022.667.829	261.507.511.137
Giá vốn	32.195.104.805	186.399.183.196	218.594.288.001
Lợi nhuận gộp	8.289.738.503	34.623.484.633	42.913.223.136

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập



Trần Văn Ngọc

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hiền

Giám đốc



Nguyễn Cao Hà